

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **172/2019/HS-ST**

Ngày: 26-11-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT, TỈNH LÂM ĐỒNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lệ Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ước;
2. Ông Phan Ngọc Hoà.

-Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Văn Chiến—Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 185/2019/TLST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 188/2019/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Huỳnh Thị Thu T**; sinh ngày 28 tháng 02 năm 1986; nơi sinh: Khánh Hòa; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ B, xã V, phường N, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hoá: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn X (chết) và bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1958; chồng: Nguyễn Bá T, sinh năm 1984 (đã ly hôn), có 04 con: lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất sinh năm 2010; tiền sự: không;

Tiền án:

- Bản án số 07/2008/HSST ngày 22/01/2008 của Toà án nhân dân thị xã C, tỉnh Khánh Hòa xử phạt bị cáo 06 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Bản án số 242/2009/HSST ngày 28/4/2009 của Toà án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xử phạt 05 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 11/6/2009.

- Bản án số 09/2012/HSST ngày 12/01/2012 của Toà án nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa xử phạt bị cáo 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Bản án số 57/2013/HSST ngày 03/7/2013 của Toà án nhân dân Quận J, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt bị cáo 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Bản án số 203/2013/HSST ngày 19/12/2013 của Toà án nhân dân Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt bị cáo 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp hình phạt với Bản án số 09/2012/HSST ngày 12/01/2012 và Bản án số 57/2013/HSST ngày 03/7/2013, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của 03 bản án là 04 năm 09 tháng tù. Chấp xong hình phạt tù ngày 26/09/2017 nhưng chưa thi hành án phí hình sự sơ thẩm của bản án số 09/2012/HSST ngày 12/01/2012.

Bị bắt tạm giam ngày 27/7/2019, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.*(Có mặt)*

-*Bị hại:* Chị Võ Thị Tuyết H, sinh năm: 1981, nơi cư trú: đường L, phường N, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.*(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 27/7/2019, Huỳnh Thị Thu T cùng 02 người phụ nữ tên Đ và H (không rõ nhân thân, lai lịch) từ tỉnh Khánh Hòa lên thành phố Đ và đến chùa T toạ lạc tại phường C, thành phố Đ với mục đích móc túi của khách du lịch. Khoảng 10 giờ 45 phút cùng ngày, T đi cùng Đ và H đến khu vực chánh điện của chùa, phát hiện chị Võ Thị Tuyết H đang cúi xuống đi dép, phía bên hông có đeo giỏ xách màu xám, T liền tiến đến phía sau lưng chị H còn Đ và H đứng che cho T. T dùng tay phải kéo khóa túi xách của chị H, rồi thò tay vào bên trong lấy được 02 xấp tiền 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng và 32.000.000 (ba mươi hai triệu) đồng, tổng cộng là 47.000.000 (bốn mươi bảy triệu) đồng. T giữ lại xấp tiền mỏng rồi đưa cho Đ và H xấp tiền dày. Ngay sau đó, chị Vũ Thị M, là chị chồng của chị H nghi ngờ T trộm cắp nên đã hô to, chị H kiểm tra phát hiện khóa kéo của túi xách bị mở và bị mất 02 xấp tiền 47.000.000 (bốn mươi bảy triệu) đồng nên đã tri hô và cùng một số người giữ được T. T liền ném xấp tiền 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng xuống đất còn Đ và H ném lại 18.000.000 (mười tám triệu) đồng rồi bỏ trốn. T bị bắt quả tang và đưa về trụ sở để làm việc, tại cơ quan Công an, T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như trên.

Vật chứng thu giữ: Số tiền 33.000.000 (ba mươi ba triệu) đồng. Thu giữ của Huỳnh Thị Thu T số tiền 1.000.000 đồng, 01 điện thoại hiệu Nokia phím bấm màu đen, 01 điện thoại Iphone 6 màu đen và 01 giấy chứng minh nhân dân của T.

Bị hại là: Chị Võ Thị Tuyết H bị chiếm đoạt số tiền 47.000.000 (bốn mươi bảy triệu) đồng. Cơ quan Cảnh sát điều tra công an thành phố Đ đã trả lại số tiền 33.000.000 (ba mươi ba triệu) đồng thu giữ quả tang cho chị H, bị cáo T đã tác động gia đình bồi thường cho chị H số tiền 14.000.000 (mười bốn triệu) đồng. Bà Vũ Thị M là người đại diện theo ủy quyền của bị hại chị H đã nhận lại tài sản và tiền bồi thường thay cho chị H. Chị H không yêu cầu bồi thường gì thêm và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Cáo trạng số 180/CT-VKS ngày 14/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng truy tố bị cáo Huỳnh Thị Thu T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1, điểm b, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình thực hiện như nội dung Cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo, bị cáo xác định sau khi chấp hành án về địa phương bị cáo chỉ buôn bán rau, thu nhập không đủ sống và phải sống dựa vào tiền chị gái cho. Do không có tiền để sống và nuôi các con nên bị cáo mới tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Bị cáo thống nhất và không thắc mắc gì về nội dung bản cáo trạng, không thắc mắc khiếu nại gì về các quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng trình bày luận tội, tranh luận và giữ nguyên nội dung cáo trạng truy tố đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Huỳnh Thị Thu T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”, Áp dụng điểm b, g khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự: đề nghị xử phạt bị cáo từ 05 – 06 năm tù. Đề nghị xử lý vật chứng theo quy định.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo ăn năn, hối cải và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Đà Lạt, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị hại có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Về căn cứ kết tội đối với bị cáo: Đối chiếu lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, truy tố, phù hợp lời khai của bị hại và những người tham gia tố tụng khác, biên bản phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ cùng các tài liệu chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án nên có đủ căn cứ xác định: Bị cáo Huỳnh Thị Thu T là đối tượng đã có 05 tiền án về tội “*Trộm cắp tài sản*”, chấp hành xong án phạt tù vào ngày 26/9/2017, chưa được xóa án tích. Tuy nhiên, để có tiền tiêu xài cho bản thân và nuôi con, bị cáo T tiếp tục nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của người khác. Thực hiện ý định, ngày 27/7/2019, bị cáo từ thành phố N, tỉnh Khánh Hòa lên thành phố Đ mục đích để móc túi trộm cắp tài sản của khách du lịch. Khoảng 10 giờ 45 phút cùng ngày, tại chùa T ở phường C, thành phố Đ, bị cáo T đã thực hiện hành vi lén lút móc túi xách của chị Võ Thị Tuyết H lấy trộm số tiền 47.000.000 (bốn mươi bảy triệu) đồng thì bị phát hiện bắt quả tang. Hành vi của bị cáo T thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*”, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm và mang tính chất chuyên nghiệp nên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng đã truy tố bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1, điểm b, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét tính chất hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy rằng: Mặc dù bị cáo có trình độ học vấn thấp tuy nhiên bản thân bị cáo đã 05 lần bị các Tòa án xử phạt về tội “Trộm cắp tài sản” nên nhận thức rất rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là hành vi bị pháp luật nghiêm cấm. Sau khi chấp hành hình phạt tù về địa phương, bị cáo không lấy đó làm bài học tu dưỡng cho bản thân mà tiếp tục lợi dụng sơ hở của người khác để trộm cắp tài sản là thể hiện thái độ xem thường pháp luật. Việc bị cáo bị phát hiện là ngoài ý muốn của bị cáo. Hành vi của bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ trực tiếp xâm phạm đến tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự tại địa phương, gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân nên xử phạt bị cáo mức hình phạt thật nghiêm khắc. Cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo: Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm và có tính chất chuyên nghiệp, đây là tình tiết định khung tăng nặng đối với bị cáo quy định tại điểm b, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, đã tác động gia đình tự nguyện bồi thường số tiền 14.000.000 đồng cho người bị hại, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo tài liệu chứng cứ thu thập có trong hồ sơ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa thể hiện bị cáo không có việc làm ổn định, không có thu nhập, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và tiền bồi thường của gia đình bị cáo, không có yêu cầu gì thêm nên không đề cập xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng: Xét thấy số tiền 1.000.000 (một triệu) đồng, 01 điện thoại di động hiệu Nokia phím bấm màu đen, 01 điện thoại Iphone 6 màu đen, 01 giấy chứng minh nhân dân thu giữ của bị cáo, quá trình điều tra xác định đây không phải là tài sản do bị cáo phạm tội mà có nên trả lại cho bị cáo.

[9] Trong vụ án này, có đối tượng tên H và Đ cùng thực hiện hành vi phạm tội với bị cáo, hiện chưa xác định được lai lịch địa chỉ, Cơ quan điều tra Công an thành phố Đà Lạt tiếp tục điều tra, xác minh, khi nào bắt được sẽ xử lý sau.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Huỳnh Thị Thu T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.
2. Về hình phạt: Áp dụng điểm b, g khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự: Xử phạt Huỳnh Thị Thu T 05 (năm) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27/7/2019.
3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Trả lại cho bị cáo Huỳnh Thị Thu T số tiền 1.000.000 (một triệu) đồng, 01 điện thoại hiệu Nokia phím bấm màu đen, 01 điện thoại Iphone 6 màu đen, 01 chứng minh nhân dân tên Huỳnh Thị Thu T (*Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 15/11/2019 giữa Công an thành phố Đ và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ và biên lai thu tiền số AA/2017/0001368 ngày 18/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ*).

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Lâm Đồng;
- VKS tỉnh Lâm Đồng;
- VKS TP. Đ;
- Công an TP. Đ;
- THADS TP. Đ;
- Sở tư pháp Lâm Đồng;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- BP theo dõi THA phạt tù;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đã ký và đóng dấu

Lê Thị Lệ Quyên